TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm: Ông Phạm văn Thọ

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

***- Thư ký pH tòa*:** Ông Lã Ngọc Tiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà*:** Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tr; cư trú tại: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn M; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 4, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan;

Tại phiên tòa có mặt chị Tr; vắng mặt anh M (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị và anh Đoàn Văn M đăng ký kết hôn vào ngày 21/12/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã H, do tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, hiện tại đã cắt đứt quan hệ, không liên lạc với nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại đ- ợc, nên xin đ- ợc ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đoàn Anh Q, sinh ngày 07/12/2010, hiện đang sống cùng với chị tại thành phố Nam Định, ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp d- ỡng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung hay công nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã 2 lần thông báo nghĩa vụ cung cấp địa chỉ cho gia đình anh M, nhưng không có kết quả, Toà án đã tiến hành gửi giấy triệu tập anh M thông qua bà H (là mẹ đẻ anh M), nhưng anh M không trả lời. Khi làm việc với Tòa án, bà H trình bày: Anh M vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình, nên gia đình đã thông báo cho anh M biết về việc Toà án đã thụ lý, đang giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Tr và gia đình cũng đã gửi qua tay các giấy triệu tập cũng như các tài liệu khác cho anh M. Sở dĩ gia đình không cung cấp địa chỉ của anh M cho Toà án được, vì anh M không có địa chỉ cụ thể, cũng không thông báo địa chỉ cho gia đình. Quan điểm của anh M và gia đình đề nghị Toà án sớm đưa vụ án ra xét xử, chấp nhận cho anh M và chị Tr ly hôn. Vì trên thực tế vợ chồng cũng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhất trí giao con chung cho chị Tr nuôi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, anh M và gia đình có quan điểm không đề nghị giải quyết, mà tự nguyện cho hết cháu Q, tạo điều kiện cho chị Tr nuôi con.

Tại phiên toà: Chị Tr giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh M, xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có quan điểm: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng, phía chị Tr đã thực hiện đúng. Còn anh M đã biết về việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị Tr, nhưng anh M không cung cấp địa chỉ, không chấp hành theo giấy triệu tập, cũng không có lời khai gửi về Tòa án, là cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng. Việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh M là đúng hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr, giao cháu Q cho chị Tr nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con, buộc chị Tr có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đã có đủ căn cứ xác định anh M đã biết về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Tr nhưng cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo. Bởi vì, các lần làm việc với Tòa án, bà H (mẹ đẻ anh M) đều nhận trách nhiệm chuyển giấy tờ tài liệu cho anh M, đồng thời thừa nhận anh M đã được gia đình thông báo về việc Toà án đã thụ lý đơn xin ly hôn của chị Tr, thừa nhận anh M vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình. Tòa án cũng đã làm đầy

đủ các thủ tục tống đạt cho anh M thông qua gia đình, nên có đủ điều kiện xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết ly hôn với một bên đương sự đang ở nước ngoài.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh M kết hôn do tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ lâu. Xét điều kiện vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về "Tình nghĩa vợ chồng". Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, nhưng anh M không trả lời, chứng tỏ anh M đã có ý thức bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm gia đình với chị Tr. Còn chị Tr đã xác định anh chị không còn khả năng đoàn tụ, cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr xin ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Xét điều kiện cháu Q hiện đang sống cùng với chị Tr được chăm lo chu đáo. Anh M hiện đang ở nước ngoài. Để ổn định cuộc sống và vì quyền lợi của cháu Q, cần giao cho chị Tr có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Q đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr về việc không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tr phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, khoản 1, 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 16 Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết ly hôn với một bên đương sự đang ở nước ngoài; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án,

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tr với anh Đoàn Văn M;

2. Giao cháu Đoàn Anh Q cho chị Nguyễn Thị Tr có trách nhiệm nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được;

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này. Nhưng anh M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con;

3. Án phí: Chị Tr phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Tr đã nộp tại biên lai số 0000919 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định (Chị Tr đã nộp đủ án phí).

Chị Tr đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt cho bà Nguyễn Thị H và thực hiện việc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự (02 bản);
- TAND cấp cao tại HN (01 bản);
- VKSND tỉnh, VKSNDCC (02 bản);
- Cục thi hành án tỉnh Nam Định (01 bản);
- UBND xã H (01 bản);
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u Toà Dân sự.

Đã ký

Nguyễn Thị Bạch Tuyết